

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 960/2018/DS-PT

Ngày: 25-10-2018

V/v Tranh chấp di sản thừa kế.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thọ Viên

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Lê Thiên Hương

Bà Châu Thị Diệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Nguyễn Ngọc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hồ Văn Cẩm – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19 và 25/10/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử công khai vụ án thụ lý số 288/2018/TLPT-DS ngày 29 tháng 6 năm 2018 về vụ việc “Tranh chấp di sản thừa kế”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 350/2015/DS-ST ngày 08 tháng 10 năm 2015 của Tòa án nhân dân Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3802/2018/QĐ-PT ngày 27 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị T, sinh năm: 1956

Địa chỉ: số 31 đường số 4, Khu phố N, Phường P, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn G, sinh năm: 1963

Địa chỉ: số 134/14 đường số 2, Khu phố Đ, Phường P, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm: 1960

2. Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm: 1981

3. Bà Nguyễn Thị Ngọc T2, sinh năm: 1983

Cùng địa chỉ: 134/14 đường số 2, khu phố Đ, Phường P, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Nguyễn Thị Ngọc T2 ủy quyền cho bà Nguyễn Thị P theo Văn bản ủy quyền số 31165 ngày 05/09/2018.

4. Bà Nguyễn Thị N(chết năm 2015)

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà N1:

4.1. Bà Nguyễn Thị Ngọc T2, sinh năm: 1970

Địa chỉ: 16/30 đường số 9, khu phố H, Phường P, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

4.2. Ông Nguyễn Thanh T3, sinh năm: 1976

Địa chỉ: 186A đường T, khu phố T, Phường P, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

4.3. Bà Nguyễn Thị T4, sinh năm: 1978

Địa chỉ: 1697 đường X, phường T, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

4.4. Ông Nguyễn Thành T5, sinh năm: 1981

Địa chỉ: 137 đường Đ, khu phố N, Phường P, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

4.5. Bà Nguyễn Thu T6, sinh năm: 1984

Địa chỉ: Nhà không số, đường T, Phường P, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Bà Nguyễn Thị G1, sinh năm: 1958

Địa chỉ: 158/2 tổ 9, khu 15, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

6. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm: 1941

Địa chỉ: 34 đường số 4, khu phố N, Phường P, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Ông Nguyễn Văn A, sinh năm: 1948

Địa chỉ: 187/25/21 Long Thuận, Phường P, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

8. Ông Nguyễn Trung H1, sinh năm: 1981

Địa chỉ: 31 đường số 4, khu phố N, Phường P, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

9. Bà Nguyễn Thị Hồng H2, sinh năm: 1983

Địa chỉ: 1714/16/12 đường T, khu phố Đ, phường T, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

10. Bà Nguyễn Thị Hồng H3, sinh năm: 1991

Địa chỉ: 31 đường số 4, khu phố N, Phường P, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

11. Ông Nguyễn Trung H4, sinh năm: 1996 (chết ngày 20/9/2018)

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Trung H4: Bà Phạm Thị T, sinh năm: 1956

Địa chỉ: 31 đường số 4, khu phố N, Phường P, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

12. Ông Nguyễn Thanh H5, sinh năm: 1974

13. Bà Đặng Thị V1, sinh năm: 1979

Cùng địa chỉ: 200/14/15 đường H, khu phố 4, Phường P B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

14. Ông Nguyễn Minh C2, sinh năm: 1968

Địa chỉ: 204 đường H, khu phố 4, Phường P B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

15. Ủy ban nhân dân Quận C Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: 2/304 đường X, phường Hiệp Phú, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn G, ông Nguyễn Văn C và ông Nguyễn Văn A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trình bày của bà Phạm Thị T:

Bà Nguyễn Thị L1 và ông Nguyễn Văn K1 có tổng cộng 08 người con gồm:

- Người con gái đầu chết lúc vài tháng tuổi, chưa được đặt tên;
- Ông Nguyễn Văn C (Ba Dung);
- Bà Nguyễn Thị Tuyền (Cụt Lớn), bà Tuyền đã chết năm 1958, chỉ có một người con duy nhất là ông Nguyễn Văn G;
- Bà Nguyễn Thị N (Cụt Nhỏ);
- Ông Nguyễn Văn A (Sáu Chôm);
- Ông Nguyễn Thượng L1 (Bảy Chôm), ông L1 chết năm 2006, có vợ là Phạm Thị T và các con là Nguyễn Trung H1, Nguyễn Thị Hồng H2, Nguyễn Thị Hồng H3, Nguyễn Trung H4;
- Bà Nguyễn Thị G1 (Tám Lũng);
- Ông Nguyễn Văn Liễu (Tý), chết năm 1978, chưa có vợ con.

Vợ chồng bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn K1 có phần đất 17.518m² gồm 10.221m² thuộc các thửa 102 (553m²), 103 (3.157m²), 127 (6.511m²) tờ bản đồ số 10 và 7.297m² thuộc các thửa 423 (29m²), 424 (542m²), 434 (4.917m²), 495 (1.809m²) tờ bản đồ số 3 (Theo Tài liệu 02/CT-UB) Phường P, Quận C. Ủy ban nhân dân Quận C đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00822 QSDĐ/LP ngày 22/12/1998 cho các thửa 423, 424, 434, 495 cho hộ ông G và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00768 QSDĐ/LP ngày 30/12/1998 cho các thửa 102, 103 và 127 cho hộ bà L; tuy ghi là cấp cho hộ ông G hay hộ bà L nhưng địa chỉ hộ ông G hay hộ bà L đều chỉ là

địa chỉ 134/14 ấp Long Đại, Phường P, Quận C. Năm 2001 bà L chết, không để lại di chúc nhưng trước khi chết, bà L có họp mặt các con trong gia đình để cho ông Nguyễn Thượng L2(Bảy Chôm) phân đất rẫy 6.655m^2 (sau này đo lại là 6.511m^2) thuộc thửa 127, việc chia đất này được lập thành văn bản là Biên bản cuộc họp mặt giữa anh chị em trong gia đình vào ngày 20/01/1992, có mặt ông C2, bà N1, ông A, ông L1, Bà G, những người này đều ký tên vào biên bản và được Ủy ban nhân dân xã Long Phước, huyện Thủ Đức xác nhận chữ ký. Đến ngày 13/6/2005, ông L1 và bà T đã được Ủy ban nhân dân Quận C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AC 463244, số vào sổ H00300/26857 cho thửa đất 127 (6.511m^2) tờ bản đồ số 10 (Theo Tài liệu 02/CT-UB), Phường P, Quận C nhưng sau đó Ủy ban nhân dân Quận C đã thu hồi giấy chứng nhận này với lý do gì thì bà T không biết. Bà T yêu cầu chia di sản thừa kế do bà Nguyễn Thị L chết để lại cho ông Nguyễn Thượng L2 theo Giấy ủy quyền (thay tờ di chúc) ngày 20/01/1992 là phần đất 6.511m^2 thuộc thửa 127, Tờ bản đồ số 10, Phường P, Quận C; ông L1 chết nên bà T và các con được hưởng phần di sản này.

Ngày 14/01/2011, bà T có Đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện; ông Hiếu, bà Hạnh, bà Hiền, ông Hậu (do bà T là người đại diện theo pháp luật) có Đơn yêu cầu độc lập với nội dung: bà T và các con xác định phần đất 17.518m^2 nêu trên thuộc quyền sử dụng của ông G và bà L nên phần bà L là $1/2$ diện tích nêu trên tức là 8.759m^2 , ông L1 được nhận $1/6$ diện tích đất này tức là $1.459,83\text{m}^2$; bà T và các con yêu cầu được hưởng phần diện tích đất này.

Tại các buổi hòa giải, bà T cho rằng do ông A và ông C2 đã có phần đất riêng, ông G đã được hưởng căn nhà của bà L nên bà T và các con yêu cầu chia phần đất 8.759m^2 cho ông L1 và Bà G, bà N1. Như vậy ông L1 sẽ được $1/3$ diện tích 8.759m^2 nêu trên tức là $2.919,6\text{m}^2$. Bà T cùng những người con là Hiếu, Hạnh, Hiền, Hậu yêu cầu được nhận phần đất này vì là những người thừa kế của ông L1. Phần đất bà L cho ông A theo Giấy ủy quyền (thay tờ di chúc) ngày 20/01/1992 nay thuộc thửa 105, Tờ bản đồ số 10, Phường P, Quận C, ông A đã nhận và đã cho con trai ông A chứ không phải ông A chưa có đất. Do đó bà T chỉ đồng ý chia đất là 03 phần cho vợ con ông L1, Bà G và bà N1.

Bị đơn ông Nguyễn Văn G trình bày:

Ông không đồng ý với yêu cầu của bà T và các con bà T. Ông G là con bà Nguyễn Thị Tuyền (chết năm 1966), bà Tuyền là con ruột của bà Nguyễn Thị Lê. Khi ông G được 03 tuổi thì bà Tuyền chết nên ông G ở với bà L. Phần đất 17.518m^2 gồm 10.221m^2 thuộc các thửa 102 (553m^2), 103 (3.157m^2), 127 (6.511m^2) tờ bản đồ số 10 và 7.297m^2 thuộc các thửa 423 (29m^2), 424 (542m^2), 434 (4.917m^2), 495 (1.809m^2) tờ bản đồ số 3 (Theo Tài liệu 02/CT-UB) Phường P, Quận C đã được Ủy ban nhân dân Quận C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00822 QSĐĐ/LP ngày 22/12/1998 cho các thửa 423, 424, 434, 495 cho hộ ông G và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00768 QSĐĐ/LP ngày 30/12/1998 cho các thửa 102, 103 và 127 cho hộ bà L. Ông G xác định đây là đất cấp cho hộ bà L, ông G nên quyền sử dụng thuộc về các

thành viên của hộ là bà L, ông G, ông T1, bà Thu. Bà L chỉ được quyền sử dụng 1/4 diện tích nêu trên là 4.379,5m²; khi bà L còn sống đã cho ông C2 3.710m² nên phần bà L chỉ còn 669,5m². Ông G đồng ý trả lại phần đất 669,5m² thuộc một phần thửa 127 cho các con bà L. Ông G khẳng định ông không biết có cuộc họp ngày 20/01/1992 hay không. Về giấy chứng nhận của ông L1 bị Ủy ban nhân dân Quận C thu hồi, lý do thu hồi là do giả mạo chữ ký gia đình ông G. Phần đất của bà L giao trả lại cho các con bà L, trong đó có cả phần của bà Tuyền là mẹ ông G nên ông G cũng phải được hưởng phần thừa kế của bà L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Bà Nguyễn Thị P trình bày: Thống nhất với ý kiến của ông G.
- Ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị Ngọc T2 trình bày: Thống nhất với ý kiến của ông G.
- Bà Nguyễn Thị G1 trình bày: Thống nhất với lời khai của bà T, thống nhất với yêu cầu của bà T và các con của bà T. Bà G cho rằng phần đất của hộ bà L là 17.518m² nên chia 02 phần cho bà L và ông G, còn hai đứa con ông G lúc đó còn nhỏ không chia. Phần của bà L là 8.759m² chỉ chia cho các con còn sống mà chưa được hưởng là ông L1 (sau đã chết, còn vợ con), Bà G và bà N1. Nếu ông A đã nhận đất thì không đồng ý chia cho ông A, nếu ông A chưa nhận đất thì mới chia cho ông A.
- Bà Nguyễn Thị N trình bày: Thống nhất với ý kiến của bà Nguyễn Thị G1.
- Ông Nguyễn Văn C trình bày: Ông C2 đồng ý phần của bà L còn lại chỉ là 669,5m² và đồng ý chia cho 06 người con của bà L nhưng ông C2 không nhận phần của mình nên đề nghị chia cho 05 người con còn lại là bà Tuyền (ông G là con nên được hưởng), ông L1, ông A, bà N1, Bà G. Ông C2 xác định không có yêu cầu gì trong vụ án này và đề nghị Tòa án cho được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Ông C2 không nhớ có cuộc họp ngày 20/01/1992 như bà T đã trình bày hay không, không nhớ có ký tên vào Biên bản cuộc họp mặt giữa anh chị em trong gia đình ngày 20/01/1992 hay không. Ông C2 khẳng định chữ ký trong Biên bản cuộc họp mặt giữa anh chị em trong gia đình ngày 20/01/1992 là chữ ký của ông C2.
- Ông Nguyễn Văn A trình bày: Khi bà L họp mặt các con vào ngày 20/01/1992 thì ông A không được mời dự nên vắng mặt và không có ký tên vào Biên bản cuộc họp mặt giữa anh chị em trong gia đình ngày 20/01/1992. Ông A có ý kiến là đợi khi nào Tòa xử xong, giao đất cho ai thì người đó phải chia cho người thân trong gia tộc, tự phân chia với nhau, không nhờ đến Tòa án.
- Ông Nguyễn Trung H1, bà Nguyễn Thị Hồng H2, bà Nguyễn Thị Hồng H3, ông Nguyễn Trung H4 trình bày: Thống nhất với ý kiến của mẹ là bà Phạm Thị T, có yêu cầu độc lập là xác định phần đất 17.518m² nêu trên thuộc quyền sử dụng của ông G và bà L nên phần bà L là 1/2 diện tích nêu trên tức là 8.759m², ông L1 được nhận 1/6 diện tích đất này tức là 1.459,83m²; bà T và các con yêu cầu được hưởng phần diện tích đất này.

- Ông Nguyễn Thanh H5 trình bày: Ông H5 có mua thửa đất 516 tờ bản đồ 23, Phường P, Quận C của ông Nguyễn Văn G và ra Phòng Công chứng số 3 công chứng hợp đồng ngày 31/8/2009. Sau đó ông H5 đã chuyển nhượng thửa đất này cho ông Nguyễn Minh C2. Ông H5 không có yêu cầu gì trong vụ án này và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

- Ông Nguyễn Minh C2 trình bày: Khoảng tháng 5/2010, ông Cảnh có ký hợp đồng mua bán nhà ở và quyền sử dụng đất ở với ông Nguyễn Thanh H5 tại Phòng Công chứng số 3 đối với thửa đất số 516 tờ bản đồ 23, Phường P, Quận C với giá 2.500.000.000 đồng. Ngày 16/8/2010, ông Cảnh được Ủy ban nhân dân Quận C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất. Việc tranh chấp giữa bà T với ông G, ông Cảnh không có ý kiến gì và đề nghị được giải quyết vắng mặt.

- Ủy ban nhân dân Quận C có người đại diện theo ủy quyền là bà L Thị Hồng Ngọc trình bày:

Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị L: Vào ngày 26/11/1994, bà L có Đơn xin đăng ký sử dụng ruộng đất đến Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà L các thửa đất 102, 103, 127 tờ bản đồ số 10 (Tài liệu 02/CT-UB). Ngày 30/12/1998, Ủy ban nhân dân Quận C đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp số C 324882 cho hộ bà L gồm 03 thửa đất theo đơn đăng ký nêu trên của bà L. Vào thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho hộ bà L, hộ khẩu của bà L gồm 03 nhân khẩu là bà L, ông Nguyễn Văn G và ông Nguyễn Văn T1.

Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn G: Ngày 19/5/2005, Ủy ban nhân dân Quận C đã cập nhật biến động trang bổ sung Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C 324882 ngày 30/12/1998 với nội dung chỉnh lý lại tên chủ sử dụng là hộ Nguyễn Văn G theo Thông báo số 143/TB-UB-QLĐT ngày 17/01/2005 của Ủy ban nhân dân Quận C. Lý do: bà L đã chết, các con của bà L thống nhất đồng ý cho ông G làm đại diện đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên. Năm 2005, ông Châu Văn D đề nghị ông G bán cho ông 02 thửa 102, 103. Ông D đã cùng ông Nguyễn Thượng L2 thuê ông Lê Văn P làm hồ sơ theo mẫu và giả chữ ký của ông G và bà P2 (là vợ ông G) để chuyển nhượng 10.221m² thửa 102, 103, 127 tờ bản đồ số 10 trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C 324882 cho ông D theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân Phường P xác nhận ngày 31/01/2005. Sau đó, ông D và bà Dương Thị M đã chuyển nhượng toàn bộ diện tích thửa 127 tờ bản đồ số 10 cho ông L1 và bà Phạm Thị T theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân Phường P xác nhận ngày 21/4/2005. Ngày 13/6/2005, ông L1 và bà T được Ủy ban nhân dân Quận C đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 463244 gồm thửa 127 tờ bản đồ số 10 (theo Tài liệu 02/CT-UB). Ngày 03/4/2007, ông Nguyễn Thanh H5 và bà Đặng Thị V1 nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa 102, 103 tờ bản đồ số 10 từ ông D và bà M theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng

đất được Ủy ban nhân dân Phường P xác nhận ngày 13/3/2007. Ngày 30/10/2007, ông G nộp đơn tố cáo ông D có hành vi chiếm đoạt 6.511m² đất thuộc thửa 127 tờ bản đồ số 10 tại Phường P đến Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự quản lý kinh tế và chức vụ Công an Quận C. Ngày 28/02/2008, Công an Quận C có Công văn số 97/CV-CSĐT (KT) về việc báo cáo kết quả điều tra và đề nghị xử lý vụ việc lập hồ sơ giả sang nhượng đất trái phép tại Ủy ban nhân dân Phường P. Ngày 07/10/2008, Ủy ban nhân dân Quận C ban hành Quyết định số 750/QĐ-UBND về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C324882, AC 463244 nêu trên. Ngày 31/7/2009, Ủy ban nhân dân Quận C đã cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 03 thửa đất 102, 103, 127 Tờ bản đồ số 10 (Tài liệu 02/CT-UB) thành 02 thửa mới là 515, 516 Tờ bản đồ số 23 (BĐĐC đo năm 2003) cho hộ ông G (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 176290 ngày 31/7/2009). Ngày 31/8/2009, hộ ông G đã chuyển nhượng thửa 516 Tờ bản đồ số 23 (BĐĐC đo năm 2003) (tương ứng theo tài liệu 02/CT-UB thuộc thửa 102 và 103 Tờ bản đồ số 10) cho ông Nguyễn Thanh H5 theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 24596 tại Phòng Công chứng số 3. Ngày 16/11/2009, Ủy ban nhân dân Quận C đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 011985 cho ông H5. Ngày 17/7/2010, ông H5 chuyển nhượng lại cho ông Cảnh theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 15853 tại Phòng Công chứng số 3. Ngày 16/8/2010, Ủy ban nhân dân Quận C đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 446725 cho ông Cảnh.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà T xác định yêu cầu là yêu cầu Tòa án công nhận 1/2 diện tích đất 17.518m² gồm 10.221m² thuộc các thửa 102 (553m²), 103 (3.157m²), 127 (6.511m²) tờ bản đồ số 10 và 7.297m² thuộc các thửa 423 (29m²), 424 (542m²), 434 (4.917m²), 495 (1.809m²) tờ bản đồ số 3 (Theo Tài liệu 02/CT-UB) Phường P, Quận C đã được Ủy ban nhân dân Quận C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00822 QSDĐ/LP ngày 22/12/1998 cho các thửa 423, 424, 434, 495 cho hộ ông G và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00768 QSDĐ/LP ngày 30/12/1998 cho các thửa 102, 103 và 127 cho hộ bà L là di sản bà L để lại, từ di sản của bà L chia thừa kế theo di chúc ngày 20/01/1992 của bà L, theo đó phần đất 6.511m² thuộc thửa 127 Tờ bản đồ số 10 (theo Tài liệu 02/CT-UB), Phường P, Quận C nay là thửa 515 Tờ bản đồ 23 (theo Tài liệu năm 2003), Phường P, Quận C được chia cho ông Nguyễn Thượng L2 (đã chết năm 2006, có vợ là bà Phạm Thị T và các con là Nguyễn Trung H1, Nguyễn Thị Hồng H2, Nguyễn Thị Hồng H3, Nguyễn Trung H4) hưởng 4.511m², bà Nguyễn Thị N (đã chết năm 2015, có các con là Nguyễn Thị Ngọc T2, Nguyễn Thanh T3, Nguyễn Thị T4, Nguyễn Thanh T5, Nguyễn Thu T6) hưởng 1.000m², bà Nguyễn Thị G1 hưởng 1.000m²; bà T rút lại yêu cầu khởi kiện bổ sung theo Đơn khởi kiện bổ sung ngày 14/01/2011.

Ông H1, bà H2, bà H3 và ông H4 có đơn rút lại yêu cầu độc lập theo Đơn yêu cầu độc lập ngày 14/01/2011.

Ông G và bà P2 không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn, cho rằng di sản bà L để lại chỉ là 699,5m² và đề nghị chia thừa kế phần diện tích đất này theo pháp luật.

Ông C2 thừa nhận phần đất thuộc thửa 102 và 103 Tờ bản đồ số 10 (theo Tài liệu 02/CT-UB), Phường P, Quận C nay là thửa 516 Tờ bản đồ 23 (theo Tài liệu năm 2003), Phường P, Quận C mà bà L cho ông C2 theo Giấy ủy quyền (thay tờ di chúc) ngày 20/01/1992, ông C2 đã bán cho ông Châu Văn D, sau đó ông D bán lại cho ông Nguyễn Thanh H5, ông G là người ký chuyển nhượng phần đất này.

Ông A cho rằng phần đất mà bà L cho ông A theo Giấy ủy quyền (thay tờ di chúc) ngày 20/01/1992, hiện nay ông A vẫn chưa có nhận.

Ông C2 và ông A đề nghị chia thừa kế bà L để lại làm 06 phần cho 06 người con.

Bà G và bà Tâm thống nhất với ý kiến của bà T, bà Hạnh, ông Hậu.

Tại bản án số 350/2015/DS-ST ngày 08 tháng 10 năm 2015 của Tòa án nhân dân Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn là bà Phạm Thị T, yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Trung H1, bà Nguyễn Thị Hồng H2, bà Nguyễn Thị Hồng H3 và ông Nguyễn Trung H4 về việc yêu cầu được hưởng 1/6 di sản của bà L là 1.459,83m² đất thuộc một phần các thửa 102, 103, 127 Tờ bản đồ số 10 (Theo Tài liệu 02/CT-UB) Phường P, Quận C và 423, 424, 434, 495 Tờ bản đồ số 3 (Theo Tài liệu 02/CT-UB) Phường P, Quận C.

2. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn

Công nhận thửa đất 127 (diện tích 6.511m²) Tờ bản đồ số 10 (Theo Tài liệu 02/CT-UB) Phường P, Quận C nay là thửa 515, Tờ bản đồ 23 (theo Tài liệu năm 2003), Phường P, Quận C là di sản do bà L chết để lại.

Công nhận Giấy ủy quyền (thay tờ di chúc) ngày 20/01/1992 của bà Nguyễn Thị L là di chúc hợp pháp.

Bà Phạm Thị T, ông Nguyễn Trung H1, bà Nguyễn Thị Hồng H2, bà Nguyễn Thị Hồng H3 và ông Nguyễn Trung H4 được hưởng quyền sử dụng 4.511m² đất; bà Nguyễn Thị G1 được hưởng quyền sử dụng 1.000m² đất; bà Nguyễn Thị Ngọc T2, ông Nguyễn Thanh T3, bà Nguyễn Thị T4, ông Nguyễn Thành T5 và bà Nguyễn Thu T6 được hưởng quyền sử dụng 1.000m² đất thuộc thửa đất 127 (diện tích 6.511m²) Tờ bản đồ số 10 (Theo Tài liệu 02/CT-UB) Phường P, Quận C nay là thửa 515, Tờ bản đồ 23 (theo Tài liệu năm 2003), Phường P, Quận C.

Bà Phạm Thị T, ông Nguyễn Trung H1, bà Nguyễn Thị Hồng H2, bà Nguyễn Thị Hồng H3 và ông Nguyễn Trung H4, bà Nguyễn Thị G1, bà Nguyễn Thị Ngọc T2, ông Nguyễn Thanh T3, bà Nguyễn Thị T4, ông Nguyễn Thanh T5

và bà Nguyễn Thu T6 được quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để lập thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho thửa đất 127 (diện tích 6.511m²) Tờ bản đồ số 10 (Theo Tài liệu 02/CT-UB) Phường P, Quận C nay là thửa 515, Tờ bản đồ 23 (theo Tài liệu năm 2003), Phường P, Quận C.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 12 tháng 10 năm 2015 bị đơn ông Nguyễn Văn G có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm nói trên với yêu cầu: Không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà bà Phạm Thị T, yêu cầu của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là các con bà T: ông Nguyễn Trung H1, bà Nguyễn Thị Hồng H2, bà Nguyễn Thị Hồng H3; Đề nghị không công nhận Giấy ủy quyền (thay tờ di chúc) ngày 20/01/1992 của bà Nguyễn Thị Llà di chúc hợp pháp; Di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị Lđược chia theo pháp luật cho các người con của bà L trong đó có phần của ông.

Ngày 12 tháng 10 năm 2015 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn A có đơn kháng cáo cùng yêu cầu: Không công nhận Giấy ủy quyền (thay tờ di chúc) ngày 20/01/1992 của bà Nguyễn Thị Llà di chúc hợp pháp; Di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị Lđược chia theo pháp luật cho sáu (6) người con của bà L.

Tại bản án số 918/2016/DS-PT ngày 16 tháng 8 năm 2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn là bà Phạm Thị T, yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Trung H1, bà Nguyễn Thị Hồng H2, bà Nguyễn Thị Hồng H3 và ông Nguyễn Trung H4 về việc yêu cầu được hưởng 1/6 di sản của bà L là 1.459,83m² đất thuộc một phần các thửa 102, 103, 127 Tờ bản đồ số 10 (Theo Tài liệu 02/CT-UB) Phường P, Quận C và 423, 424, 434, 495 Tờ bản đồ số 3 (Theo Tài liệu 02/CT-UB) Phường P, Quận C.

2. Không công nhận Giấy ủy quyền (Thay tờ di chúc) ngày 20/01/1992 của bà Nguyễn Thị Llà di chúc hợp pháp.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia thửa đất 127 (Diện tích 6.511m²) Tờ bản đồ số 10 (Theo Tài liệu 02/CT-UB) Phường P, Quận C nay là thửa 515, Tờ bản đồ 23 (Theo tài liệu năm 2003), Phường P, Quận C theo di chúc của bà L.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 201/2018/DS-GĐT ngày 29 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Chấp nhận Kháng nghị số 62/2018/KN-DS ngày 21/3/2018 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 918/2016/DS-PT ngày 16/8/2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữa nguyên đơn là bà

Phạm Thị T với bị đơn là ông Nguyễn Văn G; Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm lại theo đúng quy định pháp luật.

Ngoài ra, bản án phúc thẩm còn quyết định về án phí.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Nguyễn Văn G vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo theo nội dung đơn kháng cáo ngày 12 tháng 10 năm 2015. Trong trường hợp Tòa án công nhận một phần di chúc ông cũng đồng ý tách thửa, chia cho các đồng thừa kế được hưởng di sản của bà Nguyễn Thị L bằng quyền sử dụng đất của thửa đất 127 (Diện tích 6.511m²) Tờ bản đồ số 10 (Theo Tài liệu 02/CT-UB) Phường P, Quận C.

Bà Nguyễn Thị P, ông Nguyễn Văn T1 và bà P2 đại diện cho bà Thu: Thống nhất với yêu cầu trên của ông G.

Ông Nguyễn Văn C và ông Nguyễn Văn A vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo theo nội dung đơn kháng cáo ngày 12 tháng 10 năm 2015; Đề nghị chia di sản thừa kế của bà L theo pháp luật cho sáu người con của bà L là 1/3 quyền sử dụng đất của thửa đất 127 (Diện tích 6.511m²) Tờ bản đồ số 10 (Theo Tài liệu 02/CT-UB) Phường P, Quận C, phần quyền sử dụng đất còn lại của thửa đất trên thuộc hộ gia đình ông G bên các ông không tranh chấp.

Bà Phạm Thị T cùng các con là ông Nguyễn Trung H1, bà Nguyễn Thị Hồng H3 không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của ông G, ông C2 và ông A; Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm số 350/2015/DS-ST ngày 08 tháng 10 năm 2015 của Tòa án nhân dân Quận C. Trường hợp Tòa án công nhận một phần di chúc của bà L để lại cho ông Nguyễn Thượng L2(chết 2006) thì bà và các con không đồng ý chia phần thừa kế được hưởng từ ông L1 cho những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị N và bà Nguyễn Thị G1. Bà và các con yêu cầu được nhận chung bằng hiện vật là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất 127, Tờ bản đồ số 10 tại Phường P, Quận C.

Người đại diện thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị N là bà Nguyễn Thị Ngọc T2, bà Nguyễn Thị G1 đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm số 350/2015/DS-ST ngày 08 tháng 10 năm 2015 của Tòa án nhân dân Quận C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và đương sự thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị sửa một phần bản án sơ thẩm: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết theo hướng của Quyết định giám đốc thẩm số 201/2018/DS-GĐT ngày 29 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là công nhận Giấy ủy quyền (thay tờ di chúc) có giá trị một phần, theo đó ông Nguyễn Thượng L2(chết 2006) được hưởng 1/3 diện tích 6.511m² thuộc thửa 127 nên trên, nên những người thừa kế

của ông L1 là bà Phạm Thị T và các con được hưởng phần di sản thừa kế của ông L1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn G, ông Nguyễn Văn C và ông Nguyễn Văn A làm trong hạn luật định nên được chấp nhận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án: Bà Nguyễn Thị Hồng H2 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 20/9/2018; Ông Nguyễn Thanh H5, bà Nguyễn Thị Vui, ông Nguyễn Minh C2, Ủy ban nhân dân Quận C, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị N là ông Nguyễn Thanh T3, bà Nguyễn Thị T4, ông Nguyễn Thành T5, bà Nguyễn Thu T6 đã được tòa án tổng đạt xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử phúc thẩm vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn có đủ căn cứ xác định:

Bà Nguyễn Thị L (sinh năm 1920, chết ngày 01/02/2001) và ông Nguyễn Văn Kinh (sinh năm 1921, chết năm 1979) có tổng cộng 08 người con gồm:

Người con gái đầu chết lúc vài tháng tuổi, chưa được đặt tên; Ông Nguyễn Văn C (Ba Dung); Bà Nguyễn Thị Tuyền (Cụt Lớn), bà Tuyền đã chết năm 1968 chỉ có một người con duy nhất là ông Nguyễn Văn G; Bà Nguyễn Thị N (Cụt Nhỏ), sinh năm 1950, chết ngày 05/6/2015, có chồng là ông Nguyễn Văn Lèo - sinh năm 1946, chết ngày 30/5/2015 - và các con chung là Nguyễn Thị Ngọc T2, Nguyễn Thanh T3, Nguyễn Thị T4, Nguyễn Thành T5 và Nguyễn Thu T6; Ông Nguyễn Văn A (Sáu Chôm); Ông Nguyễn Thượng L2 (Bảy Chôm), sinh năm 1955, chết năm 2006, vợ là bà Phạm Thị T và các con chung là Nguyễn Trung H1, Nguyễn Thị Hồng H2, Nguyễn Thị Hồng H3, Nguyễn Trung H4 (chết 2018) có bà Phạm Thị T là người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Khi còn sống bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn Kinh tạo lập được quyền sử dụng 17.518m² đất tại phường Phước Long, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh bao gồm các thửa 102, 103, 127 có diện tích 10.221m² cấp cho hộ bà Nguyễn Thị L và các thửa 423, 424, 434, 495 có diện tích 7.297m² cấp cho hộ ông Nguyễn Văn G. Ngày 20/01/1992, bà L họp mặt các con trong gia đình gồm có ông C2, bà N1, ông A, ông L1, Bà G để lập Giấy ủy quyền (thay tờ di chúc) cho ông Nguyễn Thượng L2 một phần đất rẫy có diện tích 6.655m² thuộc thửa 127 tờ bản đồ số 10, Phường P, Quận C. Giấy ủy quyền này có chữ ký của những người tham dự và có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Long Phước. Do

ông L1 đã chết nên bà Phạm Thị T (vợ của ông L1) khởi kiện yêu cầu được nhận 6.655m² đất thuộc thửa 127 nêu trên.

Xét Giấy ủy quyền (thay tờ di chúc) ngày 20/01/1992 của bà L thấy rằng: Thời điểm lập Giấy ủy quyền thì phần đất bà L đang sử dụng có nguồn gốc do được hưởng thừa kế của cụ cố Châu Văn Bep. Do Điều 1 Luật Đất đai năm 1987 quy định: Đất đai thuộc sở hữu toàn dân, do Nhà nước thống nhất quản lý và Nghị quyết 02/NQ-HĐTP ngày 10/9/1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao có quy định: Đất đai thuộc quyền sở hữu toàn dân, quyền sử dụng đất được giao không phải là quyền sở hữu về tài sản của công dân nên không thể trở thành di sản khi công dân chết, nên bà L đã lập Giấy ủy quyền (thay tờ di chúc) cho ông L1 được toàn quyền sử dụng phần đất diện tích 6.655m² nêu trên với điều kiện ông L1 có trách nhiệm phải lo lắng và phụng dưỡng bà L trong lúc già yếu bệnh hoạn, đồng thời phải lo cúng kiến ông cố và cha hàng năm, làm nghĩa vụ thuế với nhà nước. Như vậy, thực chất của việc ủy quyền của bà L là nhằm để lại thừa kế diện tích đất nêu trên cho ông L1 sử dụng và thờ cúng gia tộc. Trên thực tế ông L1 cũng đã nhận đất và sử dụng ổn định mà không có ai tranh chấp, hơn nữa các đồng thừa kế khác của bà L cũng đã được chia đất sử dụng và chuyển nhượng lại cho người khác, chỉ đến khi ông L1 qua đời vào năm 2006 thì mới phát sinh tranh chấp. Do đó, cần xem xét việc sử dụng đất của ông L1 là hợp pháp. Sau khi Luật Đất đai năm 2003 có hiệu lực pháp luật thì vào ngày 10/8/2004, Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành Nghị quyết 02/2004/NQ-HĐTP xác định quyền sử dụng đất là di sản thừa kế. Vì vậy, diện tích 6.511m² thuộc thửa 127 Tờ bản đồ số 10 (Theo Tài liệu 02/CT-UB) Phường P, Quận C nay là thửa 515, Tờ bản đồ 23 (theo Tài liệu năm 2003), Phường P, Quận C nêu trên được xem là di sản thừa kế của bà L.

Mặc dù bà L lập Giấy ủy quyền (thay tờ di chúc) vào năm 1992 nhưng đến năm 1998 bà L mới được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đại diện đứng tên hộ gia đình bà L gồm: Bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn G, ông Nguyễn Văn T1. Việc bà L tự mình lập Giấy ủy quyền (thay tờ di chúc) để lại toàn bộ diện tích đất trên cho ông L1 mà không có ý kiến của ông G, ông T1 là không đúng pháp luật, bởi bà L chỉ có quyền đối với 1/3 diện tích đất nêu trên. Vì vậy, cần xác định Giấy ủy quyền (thay tờ di chúc) có giá trị một phần, theo đó ông L1 được hưởng 1/3 diện tích 6.511m² thuộc thửa 127 nêu trên, do ông Nguyễn Thượng L2 đã chết năm 2006 nên vợ là bà Phạm Thị T và các con chung là Nguyễn Trung H1, Nguyễn Thị Hồng H2, Nguyễn Thị Hồng H3, Nguyễn Trung H4 (chết 2018) được hưởng phần di sản thừa kế của ông L1 và bà Phạm Thị T là người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Hậu được hưởng phần của ông H1 mới đúng quy định pháp luật. Do đó chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà T.

Bà T và các con yêu cầu được chia thừa kế bằng quyền sử dụng đất thửa đất 127 Tờ bản đồ số 10 (Theo Tài liệu 02/CT-UB) Phường P, Quận C nay là thửa 515, Tờ bản đồ 23 (theo Tài liệu năm 2003), Phường P, Quận C có diện tích 6.511m² hiện đang đứng tên hộ ông Nguyễn Văn G theo giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất số AP 176290. Bên hộ ông G cũng đồng ý chia 1/3 diện tích đất cho thừa kế của bà L được hưởng theo di chúc. Như vậy bà T cùng các con được nhận 1/3 diện tích đất 6.511m^2 thuộc thửa đất nói trên là 2.170m^2 .

Trong Giấy ủy quyền (thay tờ di chúc) ngày 20/01/1992 của bà Nguyễn Thị Lchi cho con trai là Nguyễn Thượng L2 nên những người con khác là Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn A, Nguyễn Văn G, Nguyễn Thị G1 và những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tổ tụng của bà Nguyễn Thị Nkhông được hưởng di sản thừa kế của bà L.

Nhận xét, phân tích trên phù hợp với hướng giải quyết của của Quyết định giám đốc thẩm số 201/2018/DS-GĐT ngày 29 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa phúc thẩm.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị T cùng các con là Nguyễn Trung H1, Nguyễn Thị Hồng H2, Nguyễn Thị Hồng H3 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên phần yêu cầu được chấp nhận; Đối với phần không được chấp nhận bà T và các con không phải chịu án phí theo quy định tại Khoản 1 Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 12 Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí tòa án.

Theo Biên bản định giá tài sản ngày 14/7/2015, thửa đất 127 được định giá là 1.000.000 đồng/ m^2 .

Bà T, ông Hiếu, bà Hạnh, bà Hiền được nhận 2.170m^2 đất trị giá là $2.170\text{m}^2 \times 1.000.000 \text{ đồng}/\text{m}^2 = 2.170.000.000$ đồng nên phải cùng chịu án phí dân sự sơ thẩm là $72.000.000 \text{ đồng} + 2\% \times (2.170.000.000 \text{ đồng} - 2.000.000.000 \text{ đồng}) = 75.400.000 \text{ đồng}$.

Các ông Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn A, Nguyễn Văn G, bà Nguyễn Thị G1 và những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tổ tụng của bà Nguyễn Thị Nkhông phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm cho các ông Nguyễn Văn G, ông Nguyễn Văn C và ông Nguyễn Văn A.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 148, Điều 293, Khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn G, ông Nguyễn Văn C và ông Nguyễn Văn A.

Sửa một phần bản án sơ thẩm, xử:

1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn là bà Phạm Thị T, yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Trung H1, bà Nguyễn Thị Hồng H2, bà Nguyễn Thị Hồng H3 và ông Nguyễn Trung H4 về việc yêu cầu được hưởng 1/6 di sản của bà L là 1.459,83m² đất thuộc một phần các thửa 102, 103, 127 Tờ bản đồ số 10 (Theo Tài liệu 02/CT-UB) Phường P, Quận C và 423, 424, 434, 495 Tờ bản đồ số 3 (Theo Tài liệu 02/CT-UB) Phường P, Quận C.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn bà Phạm Thị T

Công nhận một phần Giấy ủy quyền (thay tờ di chúc) ngày 20/01/1992 của bà Nguyễn Thị L là di chúc hợp pháp để lại cho ông Nguyễn Thượng L2(chết năm 2006).

Công nhận bà Phạm Thị T và các con chung là Nguyễn Trung H1, Nguyễn Thị Hồng H2, Nguyễn Thị Hồng H3, Nguyễn Trung H4 (chết 2018) được hưởng phần di sản thừa kế của ông L1 và bà Phạm Thị T là người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Hậu được nhận hưởng phần của ông Hậu.

Bà Phạm Thị T, ông Nguyễn Trung H1, bà Nguyễn Thị Hồng H2, bà Nguyễn Thị Hồng H3 được nhận hưởng quyền sử dụng đất bằng 1/3 diện tích đất 6.511m² thuộc thửa đất 127 Tờ bản đồ số 10 (Theo Tài liệu 02/CT-UB) Phường P, Quận C nay là thửa 515, Tờ bản đồ 23 (theo Tài liệu năm 2003), Phường P, Quận C là 2.170 m²; Phần diện tích quyền sử dụng đất còn lại của thửa đất trên là 4.341m² đất thuộc quyền sử dụng của hộ ông Nguyễn Văn G theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 176290 do Ủy ban nhân dân Quận C cấp ngày 31/07/2009.

Bà Phạm Thị T, ông Nguyễn Trung H1, bà Nguyễn Thị Hồng H2, bà Nguyễn Thị Hồng H3 được quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đề lập thủ tục tách thửa, xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất một phần thửa đất 127 Tờ bản đồ số 10 (Theo Tài liệu 02/CT-UB) Phường P, Quận C nay là thửa 515, Tờ bản đồ 23 (theo Tài liệu năm 2003), Phường P, Quận C với diện tích được chia nhận là 2.170 m².

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phạm Thị T, ông Nguyễn Trung H1, bà Nguyễn Thị Hồng H2, bà Nguyễn Thị Hồng H3 cùng chịu án phí dân sự sơ thẩm là 75.400.000 đồng được cản trừ vào 4.604.400 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm bà T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 009053 ngày 26/5/2009; 583.932 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm bà T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AE/2010/02474 ngày 04/5/2011; 583.932 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm ông Hiếu đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AE/2010/02478 ngày 04/5/2011; 583.932 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm bà Hạnh đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AE/2010/02477 ngày 04/5/2011; 583.932 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm bà Hiền đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AE/2010/02476 ngày 04/5/2011; 583.932 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm bà T (đại diện cho Nguyễn Trung H4) đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số

AE/2010/02475 ngày 04/5/2011 tại Thi hành án dân sự Quận C. Bà T, ông Hiếu, bà Hạnh, bà Hiền còn phải nộp thêm 67.875.940 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoàn tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm cho ông G, ông A, ông C2, mỗi người được nhận lại 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo các Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AC/2014/0006751 ngày 20/10/2015, số AC/2014/0006750 ngày 20/10/2015, số AC/2014/0006749 ngày 20/10/2015 của Thi hành án dân sự Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Tòa án nhân dân Quận C;
- Chi Cục THADS Quận C;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thọ Viên

Các thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Lê Thiên Hương

Châu Thị Diệp

Lê Thọ Viên